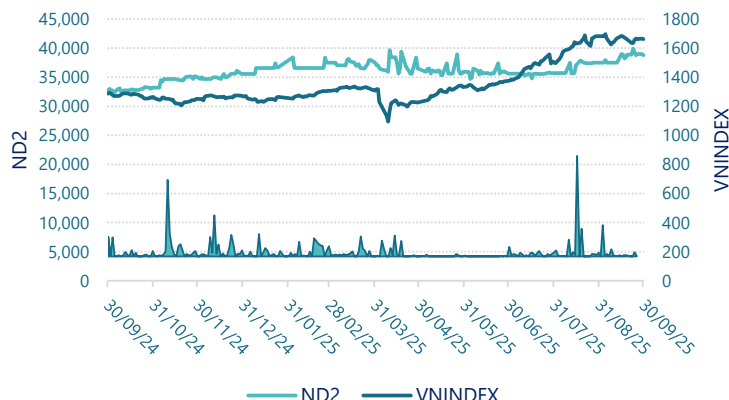




CTCP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (UPCOM: ND2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,250
SL cổ phiếu LH	49,993,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,575
% sở hữu nước ngoài	26.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,940
P/E	10.5
EPS	3,701

DT thuần

Q3/25

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0 | 36.6%

YoY: ▲ 1.00 | 0.7%

LN sau thuế

Q3/25

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.4 | 66.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

77.0%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

9T 2025

304

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0 | 7.7%

LN sau thuế

9T 2025

161

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0 | 16.5%

ROE

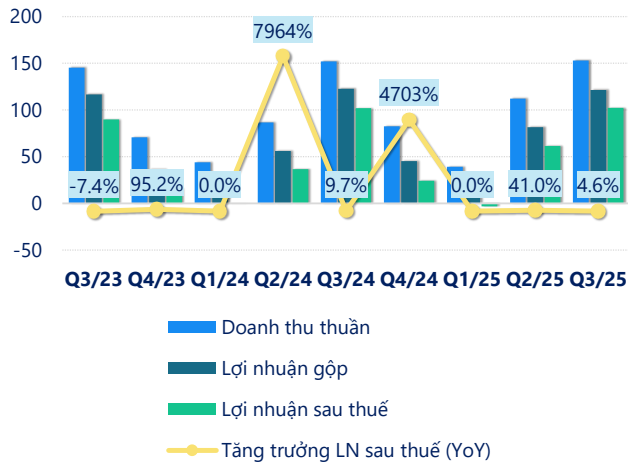
Q3/25

21.9%

+/- YoY: ▲ 2.4%

tỷ VNĐ

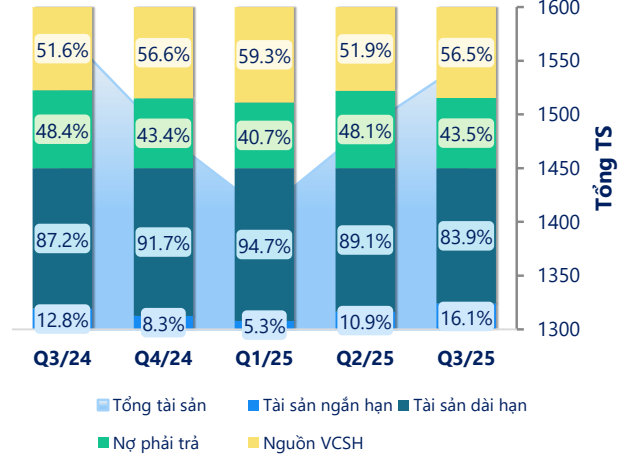
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

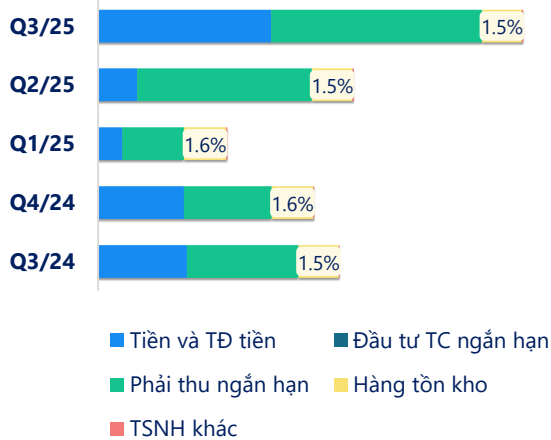
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



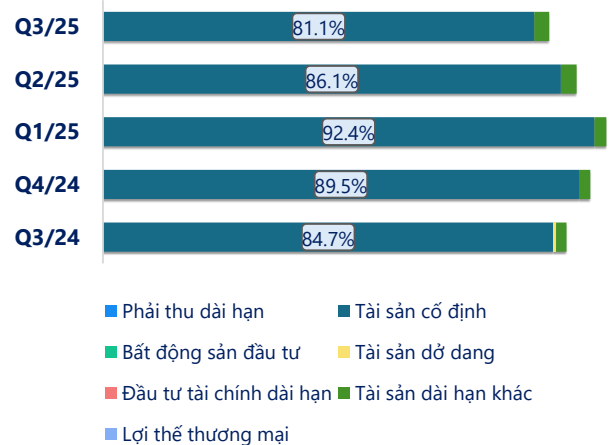
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

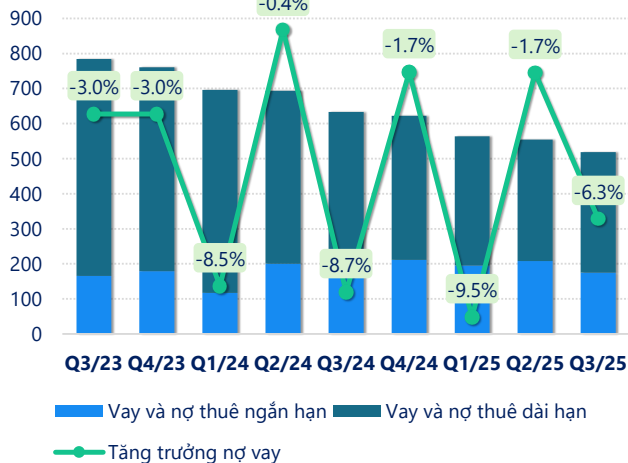
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

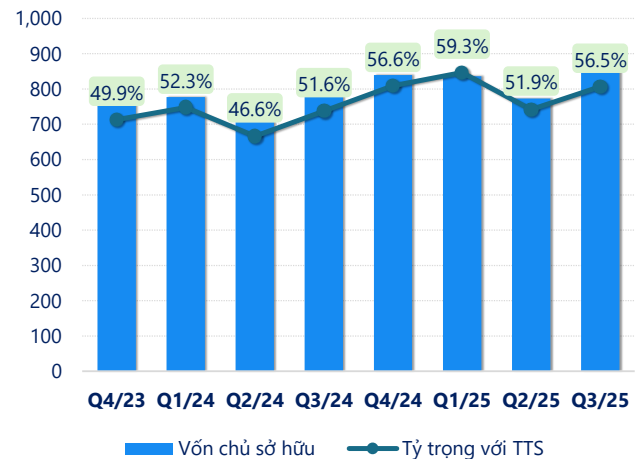
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

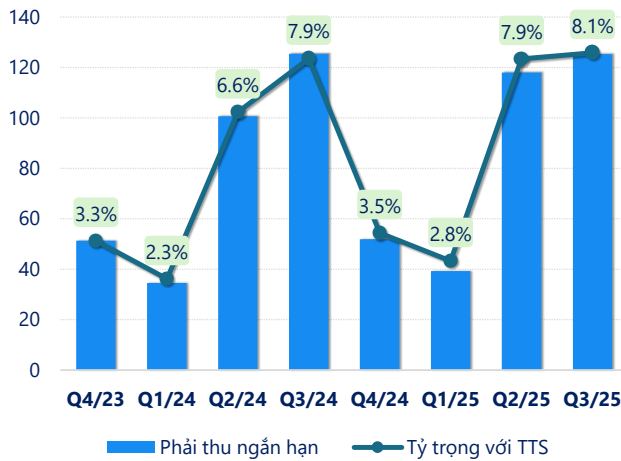
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



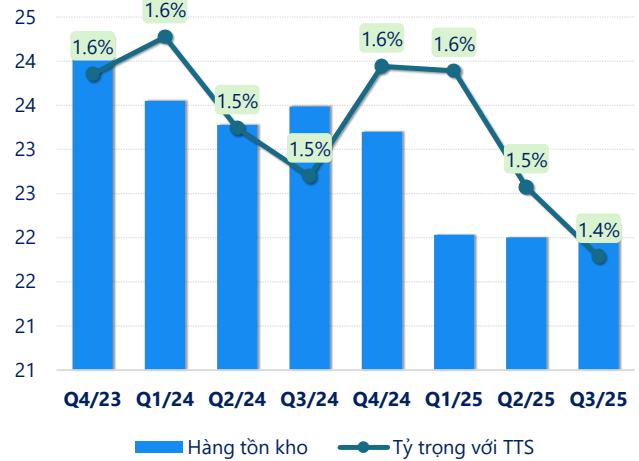
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


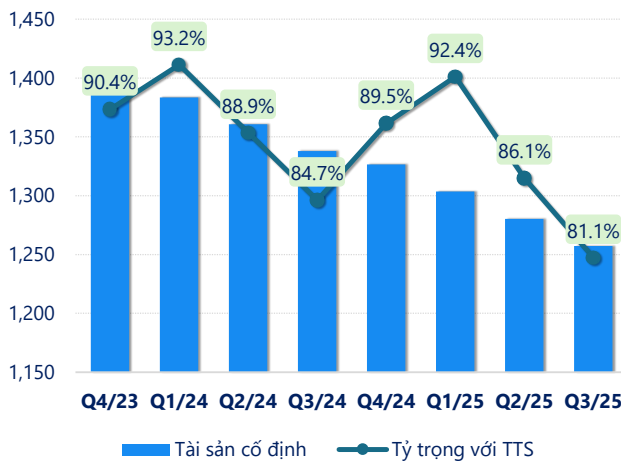
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


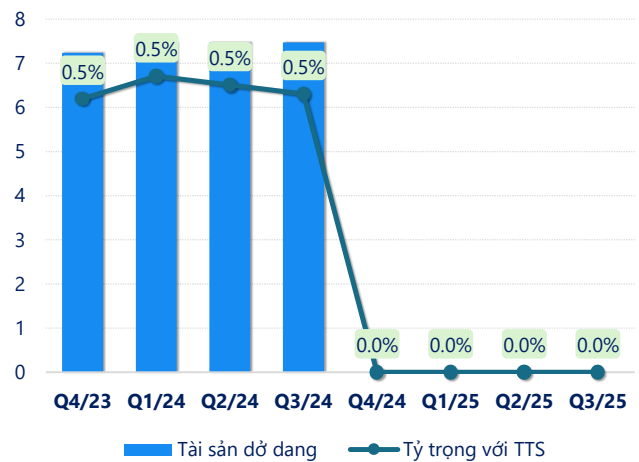
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

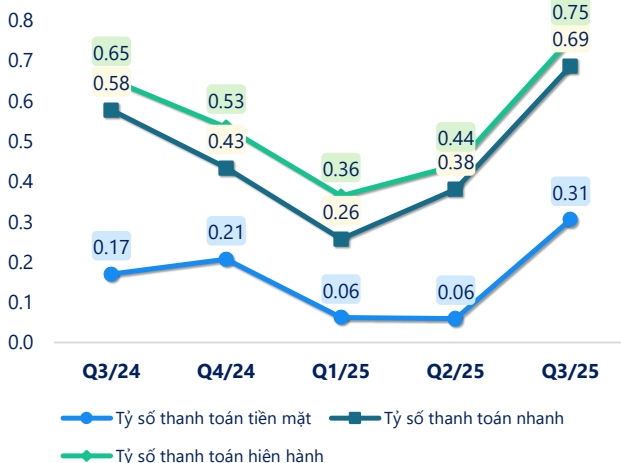
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

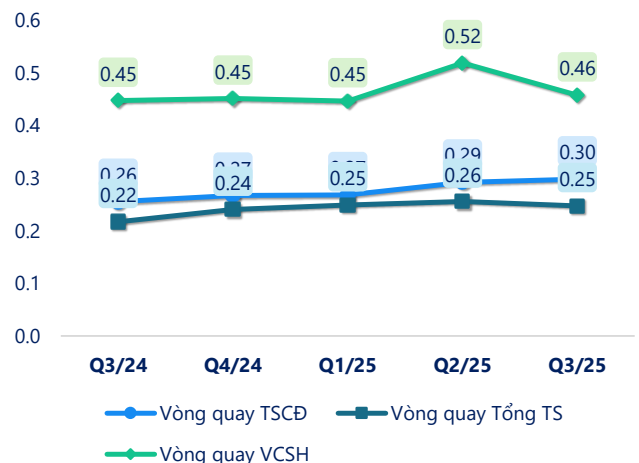
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,579	1,482	1,411	1,487	1,549
Tài sản ngắn hạn	203	124	75.0	162	249
Tiền và tương đương tiền	52.7	47.9	12.8	21.9	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	125	51.9	39.3	118	125
Hàng tồn kho	23.5	23.2	22.0	22.0	22.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.69	0.84	0.22	0.71
Tài sản dài hạn	1,377	1,359	1,336	1,325	1,300
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,338	1,327	1,303	1,280	1,257
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.47	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	31.4	32.0	32.1	44.8	43.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	764	643	575	715	674
Nợ ngắn hạn	310	232	206	368	330
Vay và nợ thuê ngắn hạn	180	211	195	208	175
Phải trả người bán ngắn hạn	2.45	3.74	2.37	14.2	2.44
Nợ dài hạn	454	411	369	346	344
Vay và nợ thuê dài hạn	454	411	369	346	344
Nguồn vốn chủ sở hữu	815	840	836	773	875
Vốn chủ sở hữu	815	840	836	773	875
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)